

I. YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI HỌC SINH

- Chương I: HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC.

- Bài 1. Góc lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác.
- Bài 2. Các phép biến đổi lượng giác.
- Bài 3. Hàm số lượng giác và đồ thị.
- Bài 4. Phương trình lượng giác cơ bản.

- Chương IV: ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ SONG SONG.

- Bài 1. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian.
- Bài 2. Hai đường thẳng song song trong không gian.
- Bài 3. Đường thẳng và mặt phẳng song song.

II. CẤU TRÚC ĐỀ VÀ THỜI LƯỢNG:

- + Thời gian làm bài 90 phút.
- + Đề gồm: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 12 câu (3,0 điểm)
 - Trắc nghiệm đúng sai: 4 câu (4,0 điểm)
 - Tự luận: 2 câu (3,0 điểm)

III. BÀI TẬP ÔN LUYỆN

A. ĐẠI SỐ

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Đổi số đo góc 135° ra số đo radian ta được

- A. $\frac{3\pi}{2}$. B. $\frac{3\pi}{4}$. C. $\frac{5\pi}{6}$. D. $\frac{3\pi}{5}$.

Câu 2. Rút gọn biểu thức $P = \sin\left(a + \frac{\pi}{4}\right)\sin\left(a - \frac{\pi}{4}\right)$.

- A. $-\frac{3}{2}\cos 2a$. B. $\frac{1}{2}\cos 2a$. C. $-\frac{2}{3}\cos 2a$. D. $-\frac{1}{2}\cos 2a$.

Câu 3. Cho $x \in [0; \pi]$ thỏa mãn $\cos x = \frac{5}{13}$. Giá trị của $\tan\left(x + \frac{\pi}{4}\right)$ bằng

- A. $-\frac{17}{7}$. B. $\frac{7}{17}$. C. $\frac{17}{7}$. D. $-\frac{7}{17}$.

Câu 4. Tập xác định của hàm số $y = \frac{\sin x}{1 - \cos x}$ là

A. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

B. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}$.

C. $D = \mathbb{R} \setminus \{k2\pi \mid k \in \mathbb{Z}\}$.

D. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{k\pi}{2} \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 5. Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 3\sin\left(x + \frac{3\pi}{4}\right) - 1$ lần lượt là:

A. 4; -2.

B. 2; -4.

C. 1; -1.

D. 3; -3.

Câu 6. Nghiệm của phương trình $\cos x = -1$ là:

A. $x = \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z}$.

B. $x = k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

C. $x = \pi + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

D. $x = k\pi, k \in \mathbb{Z}$.

Câu 7. Nghiệm của phương trình $\cot\left(x + \frac{\pi}{3}\right) = \sqrt{3}$ có dạng $x = -\frac{\pi}{m} + \frac{k\pi}{n}, k \in \mathbb{Z}, m, n \in \mathbb{N}^*$ và $\frac{k}{n}$ là

phân số tối giản. Khi đó $m - n$ bằng

A. 5.

B. -3.

C. -5.

D. 3.

Câu 8: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , đường tròn lượng giác là đường tròn

A. có tâm trùng với gốc tọa độ và bán kính bằng 1.

B. có tâm trùng với gốc tọa độ.

C. bán kính bằng 1.

D. có tâm trùng với gốc tọa độ và bán kính bằng 2.

Câu 9: Cho $\tan \alpha = 3$. Tính $\tan\left(\alpha - \frac{\pi}{3}\right)$.

A. $\frac{1 - \sqrt{3}}{1 + \sqrt{3}}$.

B. $\frac{3 + \sqrt{3}}{1 - 3\sqrt{3}}$.

C. $\frac{1 - \sqrt{3}}{1 + 3\sqrt{3}}$.

D. $\frac{3 - \sqrt{3}}{1 + 3\sqrt{3}}$.

Câu 10: Nếu $\sin x + \cos x = \frac{1}{3}$ thì $\sin 2x$ bằng

A. $\frac{3}{4}$.

B. $\frac{3}{8}$.

C. $\frac{\sqrt{2}}{2}$.

D. $\frac{-8}{9}$.

Câu 11: Tìm tập xác định D của hàm số $y = \frac{2025}{\sin x}$.

A. $D = \mathbb{R}$.

B. $D = \mathbb{R} \setminus \{0\}$.

C. $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$.

D. $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{2} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$.

Câu 12: Trong các hàm số sau, hàm số nào có đồ thị đối xứng qua trục tung?

A. $y = \sin x \cos 2x$.

B. $y = \sin^5 x \cdot \cos\left(x - \frac{\pi}{2}\right)$.

C. $y = \frac{\tan x}{\tan^2 x + 1}$.

D. $y = \cos x \sin^3 x$.

Câu 13: Tất cả nghiệm của phương trình $\cos x = -\frac{\sqrt{3}}{2}$ là

A. $x = \frac{\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

B. $x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

C. $x = \pm \frac{\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

D. $x = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

Câu 14: Rút gọn biểu thức $P = \cos(120^\circ + x) + \cos(120^\circ - x) - \cos x$ ta được kết quả là:

A. 0.

B. $-\cos x$.

C. $-2\cos x$.

D. $\sin x - \cos x$.

Câu 15: Chọn khẳng định **sai**. Trên các khoảng $\left(\frac{\pi}{2} + k2\pi; \pi + k2\pi\right), k \in \mathbb{Z}$ thì:

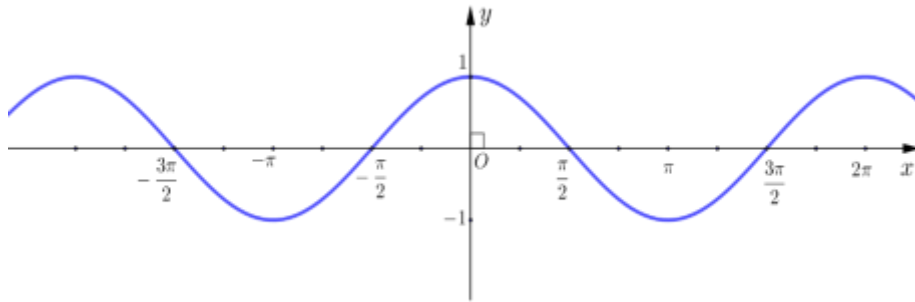
A. Hàm số $y = \sin x$ là hàm nghịch biến.

B. Hàm số $y = \cos x$ là hàm số nghịch biến.

C. Hàm số $y = \tan x$ là hàm số đồng biến.

D. Hàm số $y = \cot x$ là hàm số đồng biến.

Câu 16: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình bên dưới. Mệnh đề nào sau đây là **đúng**?



A. Hàm số đồng biến trên $\left(-\frac{3\pi}{2}; -\frac{\pi}{2}\right)$.

B. Hàm số đồng biến trên $\left(\frac{\pi}{2}; \frac{3\pi}{2}\right)$.

C. Hàm số đồng biến trên $\left(-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right)$.

D. Hàm số đồng biến trên $\left(-\frac{\pi}{2}; 0\right)$.

Câu 17: Phương trình nào sau đây có nghiệm?

A. $\sin x = \frac{1}{2}$.

B. $\sin x = -2$.

C. $\sqrt{2} \sin x = 2$.

D. $\cos x = 2$.

Câu 18. Tập xác định của hàm số $y = \cot\left(2x + \frac{\pi}{5}\right)$ là:

A. $R \setminus \left\{ \frac{-2\pi}{5} + \frac{k\pi}{2} \mid k \in Z \right\}$

B. $R \setminus \left\{ \frac{-\pi}{10} + \frac{k\pi}{2} \mid k \in Z \right\}$

C. $R \setminus \left\{ \frac{\pi}{5} + k2\pi \mid k \in Z \right\}$

D. $R \setminus \left\{ \frac{-\pi}{5} + k\pi \mid k \in Z \right\}$

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho phương trình lượng giác $2\cos\left(x + \frac{\pi}{4}\right) - \sqrt{3} = 0$ (*). Khi đó

a) Phương trình (*) tương đương $\cos\left(x + \frac{\pi}{4}\right) = \cos\left(\frac{\pi}{6}\right)$.

b) Nghiệm của phương trình (*) là: $x = -\frac{\pi}{12} + k2\pi, x = \frac{7\pi}{12} + k2\pi, k \in \mathbb{Z}$.

c) Phương trình có đúng 2 nghiệm phân biệt thuộc khoảng $(-\pi; \pi)$.

d) Tổng các nghiệm của phương trình trong khoảng $(-\pi; \pi)$ bằng $-\frac{\pi}{12}$.

Câu 2: Cho biết $\sin \alpha = \frac{1}{2}$ và $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

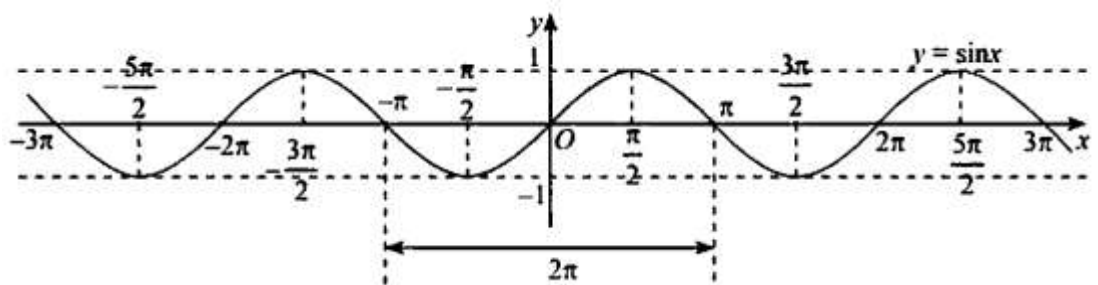
a) $\cos \alpha > 0$.

b) $\cos \alpha = \frac{\sqrt{3}}{2}$

c) $\sin 2\alpha = \frac{-\sqrt{3}}{2}$

d) $\cos 2\alpha = \sin \alpha$

Câu 3. Hình bên vẽ đồ thị $y = \sin x$. Xác định tính **đúng, sai** của các mệnh đề.



a) Hàm số trên là hàm số chẵn, đối xứng qua trục Oy .

b) Hàm số trên tuần hoàn với chu kỳ 2π .

c) Hàm số nghịch biến trên khoảng $\left(-\frac{5\pi}{2}; -\frac{3\pi}{2}\right)$.

d) Trong khoảng từ $-\frac{5\pi}{6}$ đến $\frac{7\pi}{6}$, $\sin x \geq \frac{1}{2}$ khi và chỉ khi $\frac{\pi}{6} \leq x \leq \frac{5\pi}{6}$.

Câu 4: Cho phương trình lượng giác $2\sin x = \sqrt{2}$, khi đó:

a) Phương trình tương đương $\sin x = \sin \frac{\pi}{4}$

b) Phương trình có nghiệm là: $x = \frac{\pi}{3} + k2\pi; x = \frac{3\pi}{4} + k2\pi (k \in \mathbb{Z})$.

c) Phương trình có nghiệm dương nhỏ nhất bằng $\frac{\pi}{4}$

d) Số nghiệm của phương trình trong khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right)$ là hai nghiệm

Câu 5: Cho hai đồ thị hàm số $y = \sin\left(x + \frac{\pi}{4}\right)$ và $y = \sin x$, khi đó:

a) Phương trình hoành độ giao điểm của hai đồ thị hàm số: $\sin\left(x + \frac{\pi}{4}\right) = \sin x$

b) Hoành độ giao điểm của hai đồ thị là $x = \frac{3\pi}{8} + k\pi (k \in \mathbb{Z})$

c) Khi $x \in [0; 2\pi]$ thì hai đồ thị hàm số cắt nhau tại ba điểm

d) Khi $x \in [0; 2\pi]$ thì tọa độ giao điểm của hai đồ thị hàm số là: $\left(\frac{5\pi}{8}; \sin \frac{5\pi}{8}\right), \left(\frac{7\pi}{8}; \sin \frac{7\pi}{8}\right)$.

Phần III. Tự luận

Câu 1: Giải các phương trình sau

a. $\sin x = -\frac{\sqrt{3}}{2}$

b. $\sin x = \frac{1}{4}$.

c. $\sin(x - 60^\circ)$.

d. $\sin x = 1$.

e. $\sin 3x = -\frac{4}{3}$.

f. $\sin(2019x + 2020) = 2$.

g. $\sin 3x = \frac{1}{2}$.

h. $\sin\left(\frac{x}{2} + \frac{\pi}{3}\right) = -\frac{\sqrt{3}}{2}$.

i. $2\sin(3x + 1) = 1$.

j. $\sin\left[\sin\left(x + \frac{\pi}{3}\right)\right] = 0$.

k. $\sin\left(2x + \frac{\pi}{2}\right) = \sin\left(x - \frac{\pi}{3}\right)$.

l. $\sin^2 3x = \frac{3}{4}$.

m. $\sin 2x - \cos x = 0$.

n. $\sin 3x + \sin x = 0$.

o. $\sin x + \cos\left(2x + \frac{\pi}{3}\right) = 0$.

Câu 2: Tìm nghiệm của phương trình $\sin x = -\frac{1}{2}$ trên khoảng $(0; \pi)$.

Câu 3: Tìm nghiệm của phương trình $2\sin(x + 40^\circ) = \sqrt{3}$ trên khoảng $(-180^\circ; 180^\circ)$.

Câu 4: Tìm nghiệm của phương trình $\frac{\sin 3x}{\cos x + 1} = 0$ trên đoạn $[2\pi; 4\pi]$.

Câu 5: Giải các phương trình sau

a. $\cos\left(3x - \frac{\pi}{6}\right) = -\frac{\sqrt{2}}{2}$. b. $\cos(x-2) = \frac{2}{5}$.

c. $\cos(2x + 50^\circ) = \frac{1}{2}$. d. $(1 + 2\cos x)(3 - \cos x) = 0$.

e. $\cos\left(3x - \frac{\pi}{6}\right) = 1$. f. $2\cos x = -1$.

g. $2019 \cdot \cos(x + 30^\circ) = 2020$. h. $\cos(3x + 10^\circ) = -1$.

i. $\sin 3x - \cos 2x = 0$. j. $\cos(\cos(x+2)) = 1$.

Câu 6: Phương trình $\sqrt{2} \cos\left(x + \frac{\pi}{2}\right) = 1$ có bao nhiêu nghiệm thỏa mãn $0 \leq x \leq 2\pi$?

Câu 7: Giải các phương trình sau

a. $\tan 2x = \tan \frac{2\pi}{7}$. b. $\tan \frac{x}{2} = \sqrt{3}$.

c. $\tan(3x - 30^\circ) = -\frac{\sqrt{3}}{3}$. d. $\tan^2 x = 1$.

e. $\tan 2x = 0$. f. $\cot\left(4x - \frac{\pi}{6}\right) = \sqrt{3}$.

g. $\left(\cot \frac{x}{2} - 1\right)\left(\cot \frac{x}{2} + 1\right) = 0$. h. $\tan\left(\frac{\pi}{2} - x\right) + 2 \tan\left(x + \frac{\pi}{2}\right) = 1$.

i. $\tan(x - 30^\circ) \cdot \cos(2x - 150^\circ) = 0$. j. $(3 \tan x + \sqrt{3})(2 \sin x - 1) = 0$.

k. $\tan x \cdot \tan 2x = -1$. l. $\tan 4x \cdot \cot 2x = 1$.

m. $\sin 2x \cdot \cot x = 0$.

Câu 8: Tìm số nghiệm của phương trình $\tan x = \tan \frac{3\pi}{11}$ trên khoảng $\left(\frac{\pi}{4}; 2\pi\right)$.

B. HÌNH HỌC

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Cho đường thẳng a song song với mặt phẳng (P) và b là đường thẳng nằm trong (P) . Khi đó trường hợp nào sau đây không thể xảy ra?

A. a và b cắt nhau.

B. a và b song song.

C. a và b không có điểm chung.

D. a và b chéo nhau.

Câu 2. Trong không gian, cho hai đường thẳng a và b chéo nhau. Một đường thẳng c song song với a . Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. b và c cắt nhau.

B. b và c chéo nhau hoặc cắt nhau.

C. b và c chéo nhau.

D. b và c song song với nhau.

Câu 3. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình thoi. Gọi H, I, K lần lượt là trung điểm của SA, AB, CD . Khẳng định nào sau đây **đúng**?

- A. $HK // (SBD)$. B. $HK // (SAD)$. C. $HK // (SAC)$. D. $HK // (SBC)$.

Câu 4. Cho tứ diện $ABCD$ có M, N, P lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD . Mệnh đề nào sau đây **đúng**?

- A. $MN // AC$. B. $MP // AD$.
C. BC, AD có điểm chung. D. $MP // BC$.

Câu 5. Cho hình chóp $S.ABCD$. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **đúng**?

- A. $A \in SBC$. B. $A \in BCD$. C. $A \in SBD$. D. $A \in SCD$.

Câu 6. Cho hình chóp tứ giác $S.ABCD$ có đáy là hình thang ($AD // BC$). Gọi H là trung điểm AB .

Giao tuyến của hai mặt phẳng (SHD) và (SAC) là:

- A. SI (I là giao điểm của HD và AC).
B. SK (K là giao điểm của AB và CD).
C. SO (O là giao điểm của AC và BD).
D. SA .

Câu 7. Cho tứ diện $ABCD$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. AB, CD chéo nhau. B. AB, CD song song.
C. AD, BC cắt nhau. D. AC, BD cắt nhau

Câu 8. Cho tứ diện $ABCD$. Gọi I, J, K lần lượt là trung điểm của AC, BC và BD . Giao tuyến của hai mặt phẳng (IJK) và (ABD) là đường thẳng

- A. KI . B. KD .
C. đi qua K và song song với AB . D. ID .

Câu 9. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình thang, $AB // CD$ và $AB = 2CD$. Gọi M, N lần lượt là trung điểm SA và SB . Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. $AB // MC$. B. $MD // NC$. C. $MN // AC$. D. $MC // ND$.

Đường thẳng MG song song với mặt phẳng

- A. (ACD) . B. (ABC) . C. (ABD) . D. (BCD) .

Câu 10. Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Hỏi đường thẳng AD song song với mặt phẳng nào dưới đây?

- A. (SBC) . B. (SAD) . C. (SAB) . D. (SDC) .

Câu 11. Cho hình chóp $S.ABC$ có M, N lần lượt là trung điểm của SB, SC . Hỏi mặt phẳng (AMN) song song với đường thẳng nào sau đây?

- A. SB . B. AB . C. BC . D. SA .

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho hình chóp $S.ABCD$, biết AB cắt CD tại E , AC cắt BD tại F trong mặt phẳng đáy.

Khi đó:

- a) Đường thẳng EF không nằm trong mặt phẳng $(ABCD)$.
- b) AB là giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và $(ABCD)$.
- c) SF là giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) , SE là giao tuyến của hai mặt phẳng (SAC) và (SBD) .
- d) Gọi $G = EF \cap AD$ khi đó, SG giao tuyến của mặt phẳng (SEF) và mặt phẳng (SAD) .

Câu 2. Cho tứ diện $ABCD$. Gọi I, J lần lượt là trung điểm của AD, BC , M là một điểm trên cạnh AB , N là một điểm trên cạnh AC .

- a) IJ là giao tuyến của hai mặt phẳng (IBC) và (JAD) .
- b) ND là giao tuyến của hai mặt phẳng (MND) và (ADC) .
- c) BI là giao tuyến của hai mặt phẳng (BCI) và (ABD) .
- d) Giao tuyến của hai mặt phẳng (IBC) và (DMN) song song với đường thẳng IJ .

Phần III. Tự luận

Câu 1: Cho hình chóp $S.ABCD$, đáy $ABCD$ là tứ giác có các cặp cạnh đối không song song, điểm M thuộc cạnh SA . Tìm giao tuyến của các cặp mặt phẳng sau:

- a) (SAC) và (SBD) ;
- b) (SAC) và (MBD) ;
- c) (MBC) và (SAD) ;
- d) (SAB) và (SCD) .

Câu 2: Cho tứ diện $ABCD$. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của AB và AD . Chứng minh rằng $MN // (BCD)$.

Câu 3: Cho tứ diện $ABCD$. Gọi I, J lần lượt là trọng tâm của hai tam giác ABC , ACD . Chứng minh rằng $IJ // (BCD)$.

Câu 5. Cho tứ diện $ABCD$, G là trọng tâm tam giác ABD và M là điểm trên cạnh BC sao cho $BM = 2MC$. Chứng minh đường thẳng MG song song với mặt phẳng (ACD) .

V. MẪU PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi:

Bài thi: Ngày thi:/...../20.....

7. Số báo danh:

--	--	--	--	--	--

 8. Mã đề thi:

--	--	--

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1	1. Hội đồng thi:
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2	2. Điểm thi:
	3. Phòng thi số: Lớp:
	4. Họ tên thí sinh:
	5. Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)
	6. Chữ ký của thí sinh:

<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

PHẦN I

A B C D	A B C D	A B C D	A B C D	
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
29	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
30	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
31	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
32	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
33	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
34	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
35	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
36	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
37	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
38	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
39	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
40	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
41	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
42	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
43	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
44	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
45	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
46	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
47	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
48	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
49	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
50	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
51	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
52	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
53	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
54	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
55	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
56	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
57	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
58	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
59	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
60	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

PHẦN II

Câu 1 Đúng Sai	Câu 2 Đúng Sai	Câu 3 Đúng Sai	Câu 4 Đúng Sai
a) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	a) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
b) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	b) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
c) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	c) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
d) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	d) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
a) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	a) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
b) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	b) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
c) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	c) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>
d) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>	d) <input type="radio"/>	<input type="radio"/>

PHẦN III

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
+	+	+	+	+	+
0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9